

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND Thành phố về việc phân công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và các Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Văn bản số 023 ngày 20/3/2023 của Công ty cổ phần Vinhomes đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở Khu chức năng chính là cây xanh, hồ điều hòa, một phần công trình công cộng kết hợp nhà ở - Vinhomes Green Bay và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở “Khu chức năng chính là cây xanh, hồ điều hòa, một phần công trình công cộng kết hợp nhà ở - Vinhomes Green Bay” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm 28/CV ngày 28/8/2023 của Công ty cổ phần Vinhomes;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 6886/TTr-STNMT-KTTV&BĐKH ngày 08/9/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Vinhomes, địa chỉ trụ sở chính tại tòa nhà Symphony, đường Chu Huy Mân, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Khu chức năng chính là cây xanh, hồ điều hòa, một phần công trình công cộng kết hợp

nhà ở - Vinhomes Green Bay”, địa điểm tại phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Khu chức năng chính là cây xanh, hồ điều hòa, một phần công trình công cộng kết hợp nhà ở - Vinhomes Green Bay.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.3. Công ty cổ phần Vinhomes hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 0102671977 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; đăng ký lần đầu ngày 06/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 18/5/2022.

1.4. Mã số thuế: 0102671977.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công trình hỗn hợp (Nhà ở, trường học, công trình công cộng).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở được xây dựng tại phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với diện tích sử dụng đất 301.335,29 m².

- Quy mô: Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 3803/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của UBND Thành phố và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2131/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND Thành phố, quy mô Cơ sở như sau:

Diện tích sử dụng đất khoảng 301.335,29 m². Quy mô dân số 3.200 người. Tổng số lượng nhà ở 1.935 căn hộ (1.604 căn chung cư và 331 căn thấp tầng) và 1.152 văn phòng có lưu trú ngắn hạn.

Các công trình gồm: Đất công viên cây xanh Thành phố; Hồ điều hòa; Đất bãi đỗ xe; Đất công cộng đơn vị ở; Đất cây xanh đơn vị ở; Đất trường mầm non; Đất trường tiểu học; Đất nhà ở thấp tầng; Đất hỗn hợp; Đất giao thông.

Chi tiết được nêu trong hồ sơ, báo cáo của dự án.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Vinhomes:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Vinhomes có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ~~21~~ tháng ~~9~~ năm 2023 đến ngày ~~21~~ tháng ~~9~~ năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND quận Nam Từ Liêm tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Dương Đức Tuấn;
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: CVP, PCVP_{V.T.Anh};
- Các phòng: TH, TNMT; *trn*
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
- UBND quận Nam Từ Liêm;
- Công ty cổ phần Vinhomes;
- Công thông tin điện tử Sở TN&MT;
- Lưu: VT, TNMT. *th*

MHS: 10488/2023

1055 (7)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *th*

PHÓ CHỦ TỊCH *th*



Dương Đức Tuấn



44

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **157** /GPMT-UBND ngày **21** tháng **9** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân, nhân viên và khách hàng tại khu cao tầng, thấp tầng, trường học, khu vực dịch vụ công cộng và thương mại.
- Nguồn số 02: Nước xả kiệt bể bơi khu cao tầng.
- Nguồn số 03: Nước xả kiệt bể bơi khu thấp tầng.
- Nguồn số 04: Nước xả kiệt bể bơi khu trường Tiểu học Vinschool.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung khu vực, thuộc địa bàn phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2.2. Dòng nước thải: 04 dòng nước thải, gồm:

- Dòng nước thải số 01: Dòng nước thải từ nguồn số 01 qua Hệ thống xử lý nước thải xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Dòng nước thải số 02: Dòng nước xả kiệt bể bơi từ nguồn số 02 qua xử lý bằng hệ thống lọc nước bể bơi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Dòng nước thải số 03: Dòng nước xả kiệt bể bơi từ nguồn số 03 qua xử lý bằng hệ thống lọc nước bể bơi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Dòng nước thải số 04: Dòng nước xả kiệt bể bơi từ nguồn số 04 qua xử lý bằng hệ thống lọc nước bể bơi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Nguồn số 01: Tại hố ga đầu nối nước thải sau xử lý với hệ thống thoát nước chung khu vực, thuộc địa bàn phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3^0):

$$X = 2323545; Y = 581686$$

- Nguồn số 02: Tại điểm đầu nối nước xả kiệt bể bơi (khu cao tầng) sau hệ thống lọc nước bể bơi với hệ thống thoát nước chung khu vực, thuộc địa bàn phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3^0):

$$X = 2323243; Y = 581499$$

- Nguồn số 03: Tại điểm đầu nối nước xả kiệt bể bơi (khu thấp tầng) sau hệ thống

lọc nước bể bơi với hệ thống thoát nước chung khu vực, thuộc địa bàn phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°):

$$X = 2323188; Y = 582027$$

- Nguồn số 04: Tại điểm đầu nổi nước xả kiệt bể bơi (khu trường Tiểu học Vinschool) sau hệ thống lọc nước bể bơi với hệ thống thoát nước chung khu vực, Hà Nội. Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°):

$$X = 2322939; Y = 581659$$

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: $3.200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 02: $1.287 \text{ m}^3/\text{lần/năm}$ (tần suất xả kiệt 01 lần/năm).
- Nguồn số 03: $421 \text{ m}^3/\text{lần/năm}$ (tần suất xả kiệt 01 lần/năm).
- Nguồn số 04: $342 \text{ m}^3/\text{lần/năm}$ (tần suất xả kiệt 01 lần/năm).

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.4.2. Chế độ xả nước thải:

- Nguồn số 01: Liên tục.
- Nguồn số 02, 03, 04: Gián đoạn (khi tiến hành xả kiệt nước bể bơi).

2.4.3. Chất lượng nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,0), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	3 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		-
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,0		
6	BOD_5 (20°C)	mg/l	50		
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

- Nguồn số 02, 03, 04: Nước xả kiệt bể bơi sau khi qua hệ thống lọc nước bể bơi, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép ($C_{\max} = C$)
1	Màu	Pt/Co	150
2	pH	-	5,5 - 9
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Clo dư	mg/l	2
5	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nguồn phát sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ. Nước thải sau xử lý sơ bộ và nước từ phòng chứa rác được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 3.200 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02, 03, 04: Nước xả kiệt bể bơi được thu gom và xử lý qua Hệ thống lọc nước bể bơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nguồn số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể xử lý sinh học - selector 1,2 → Bể xử lý sinh học - ASBR 1,2 → Thiết bị tách nước và ngăn khử trùng → Trạm quan trắc nước thải tự động → Nguồn tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 3.200 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh EMIC (dùng cho Bể tự hoại), NaOH, Javen, Rỉ mật.

- Nguồn số 02, 03, 04:

+ Quy trình công nghệ: Nước xả kiệt bể bơi → Hệ thống lọc nước bể bơi (bình lọc, chứa vật liệu lọc là cát thạch anh, khử trùng bằng Clo) → Nguồn tiếp nhận.

+ Thể tích thiết kế bể bơi: 167 m³ và 1120 m³ (khu cao tầng); 194,5 m³ và 226,5 m³ (khu thấp tầng); 342 m³ (khu trường tiểu học Vinschool).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Đã lắp đặt Hệ thống

quan trắc nước thải tự động.

- Số lượng: 01 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.
- Vị trí lắp đặt: Tại Hệ thống xử lý nước thải.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, NH_4^+ .
- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.
- Camera giám sát: Đã lắp đặt camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Đã thực hiện việc kết nối, truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội xác nhận.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện vận hành và ghi chép nhật ký vận hành Hệ thống xử lý nước thải.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ theo dõi và kiểm tra Hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải.
- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.
- Trường hợp xảy ra sự cố tại Hệ thống xử lý nước thải, không được xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu chứa. Trường hợp quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.
- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

2.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

2.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom xử lý nước thải.

2.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

2.7. Công ty Cổ phần Vinhomes chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(kèm theo Giấy phép môi trường số 157/GPMT-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải (mùi) phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau Hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải theo đường ống xả ra môi trường qua ống xả khí thải.

2.2. Vị trí xả khí thải: Tại miệng ống xả khí thải. Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh độ 105°00', múi chiều 3⁰):

$$X = 2323193; Y = 582083$$

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả khí thải: Liên tục.

2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (hệ số K_p = 1,0; K_v = 0,6), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (C _{max})
1	NH ₃	mg/Nm ³	30
2	H ₂ S	mg/Nm ³	4,5

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc khí thải định kỳ để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về Hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải (mùi) từ nguồn phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý khí thải (phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống xả khí thải (ống phóng không).

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, than hoạt tính.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi các hệ thống, thiết bị gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định tại Phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường không khí và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống; Tiến hành kiểm định nồi hơi; Lấy mẫu định kỳ phân tích chất lượng khí thải phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

2.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu sử dụng đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **157** /GPMT-UBND ngày **21** tháng **9** năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chủng loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10
2	Giẻ lau, găng tay bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	0,5
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	100
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	100
5	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ hệ thống xử lý khí (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	12 01 04	16,7
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,5
	Tổng		227,7

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

1.2.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 117 tấn/tháng.

1.2.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (Mã chất thải: 12 06 01) phát sinh khối lượng khoảng 2.046 kg/tháng.

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa dung tích 150 lít.

- Thùng lưu chứa ghi rõ nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu lưu chứa CTNH: 01 kho lưu chứa nằm trong Kho tập kết rác tập trung đặt tại tầng hầm B1 của tòa HH2, diện tích 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa có tường bao, nền chống thấm. Khu lưu giữ CTNH phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại CTNH; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại Bể chứa bùn; định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Khu vực nhà cao tầng: Thùng lưu chứa dung tích 60 lít tại khu thương mại dịch vụ; Thùng lưu chứa dung tích 120 lít tại khu vực chứa rác tạm thời của mỗi tầng.

- Nhà thấp tầng: Xe đẩy tay dung tích 0,6 m³.

- Thùng lưu chứa dung tích tối thiểu 100 lít đặt tại khu vực công cộng (cây xanh, các trục đường chính); Thùng lưu chứa dung tích 250 lít tại tuyến đường nội bộ; Thùng lưu chứa dung tích 60 lít tại nhà tắm tráng khu vực bể bơi.

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.2. Khu lưu chứa:

- 01 khu vực chứa rác tạm thời tại mỗi tầng của Khu vực nhà cao tầng, diện tích 10 m².

- 01 kho lưu chứa nằm trong Kho tập kết rác tập trung đặt tại tầng hầm B1 của tòa HH2, diện tích 105 m².

2.3.3. Chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và

Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~157~~ /GPMT-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Không thuộc trường hợp Cơ sở được thực hiện theo nhiều giai đoạn, có nhiều công trình, hạng mục công trình và chưa hoàn thành hết các nội dung trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở phải được thu gom và xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra môi trường; Nước xả kiệt bể bơi phải được thu gom và xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn QCVN 02:2014/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi xả thải ra môi trường.

3. Khí thải (mùi) phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải được thu gom và xử lý, bảo

16

đảm đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình vận hành Cơ sở phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

5. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do Cơ sở gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

9. Đảm bảo nguồn kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

10. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.



th